

NGÂN HÀNG CSXH TỈNH BẮC NINH



DANH MỤC ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày / /2026 Của Chủ tịch UBND phường Yên Dũng)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Thôn/Tổ dân phố	DỰ NỢ NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG					
		NS&VSMT		Cho vay HTVL nguồn vốn NHCSDH (không bao gồm cho vay NQ11)		Huy động tiền gửi từ tổ chức, cá nhân (không bao gồm huy động tiền gửi tiết kiệm qua tổ Tiết kiệm và vay vốn)	
		+, - so với KH đã giao	Kế hoạch dự nợ năm 2026	+, - so với KH đã giao	Kế hoạch dự nợ năm 2026	+, - so với KH đã giao	Kế hoạch năm 2026
1	Liễu Đề		865		500	50	1.605
2	Liễu Nham	-100	1.518		400	50	2.046
3	Tân Độ		3.629		850	50	3.254
4	Tô Dân Phố 1		0		300	50	1.564
5	Tô Dân Phố 2		0		359	50	965
6	Tô Dân Phố 3		0		545	50	345
7	Tô Dân Phố 4		0		350		234
8	Tô Dân Phố 5		0		650	50	156
9	Tô Dân Phố 6		0		450	50	483
10	Tô Dân Phố Đông Hương	-80	956		950	50	965
11	Tô Dân Phố Kem		604		745	50	423
12	Tô Dân Phố Minh Phượng		709		800	50	653
13	Tô Dân Phố Phương Sơn		322		320	50	458
14	Tô Dân Phố Phân Lôi		259		845	50	745
15	Tô Dân Phố Tân Cương		0		290	50	190
16	Tô Dân Phố Thăng Cương		415		300	50	258
17	Tô Dân Phố Thăng Lợi Hạ		734		400	50	169
18	Tô Dân Phố Thăng Lợi Thượng		144		300		245
19	An Thái	-90	1.237	100	500	50	1.062
20	Bùi Bên		954	100	600	50	589
21	Đa Thịnh		614	100	350	50	684
22	Tân Sơn 1		793	100	500	50	189
23	Tân Sơn 2		396	100	300	50	452
24	Thạch Xá		922	100	500	50	365
25	Thành Long	-100	1.333	100	400	50	568
26	Long Trường Vân		255	100	400	50	684
27	Yên Hà		1.636	100	750	50	845
28	Yên Hồng		1.270	100	605	50	650
29	Yên Phượng		926	100	600		584
30	Yên Sơn		853	100	423		462
31	Yên Tập		1.330		453	50	304
32	Yên Tập Bắc		2.111	100	528	50	751
33	Yên Tập Bên	-50	1.965	100	300	50	685
34	Yên Tập Cao		868		200		594
35	Yên Thịnh		1.057	100	300	50	187
	Tổng cộng	-420	28.675	1.500	17.063	1.500	24.413